TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **451**/2018/QĐST-VDS	*Châu Thành, ngày 15 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 590/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1981;

Cư trú tại: số nhà 73, ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. Anh Tô Văn Thái, sinh năm 1989;

Cư trú tại: số nhà 276/12 Bùi Viện, phường C, Quận D, TP. Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Tô Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 02/8/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do có bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường hay cải vả. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ năm 2016 đến nay, hai bên đã sống ly thân. Nay chị L và anh T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận cho chị L và anh T thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị L, anh T có 01 con chung tên Tô Hoài B, sinh ngày 05/10/2013. Sau khi ly hôn chị L và anh T thỏa thuận con chung sống với chị L, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T cùng khai là không có nên Tòa án không xem xét.

[4] Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị L và anh T phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Tô Văn T.

- Về con chung: Chị L được quyền nuôi con chung tên Tô Hoài B, sinh ngày 05/10/2013.

Ghi nhận chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T cùng khai là không có nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị L và anh T phải chịu nhưng anh chị thỏa thuận trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà anh chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020507 ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAT (Phòng kiểm tra);
- UBND xã B, huyện CT, tỉnh BT;
-Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN
(Đã ký tên và đóng dấu)

Phan Thị Mỹ Hạnh